

Số: 35 /2021/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, như sau:

1. Sửa đổi nội dung tên khoáng sản tại số thứ tự 5 điểm b khoản 2 Điều 3 từ “Đất sét xi măng” thành “Đá sét làm xi măng (đá sét sản xuất xi măng)”.

2. Bổ sung nội dung ghi chú đối với khoáng sản cao lanh Phú Lạc tại mục III số thứ tự 3 điểm a khoản 2 Điều 3: Tỷ trọng sản phẩm là 1,73 tấn/m³.

3. Sửa đổi nội dung ghi chú đối với khoáng sản Mỏ than Núi Hồng tại mục II số thứ tự 1.2 điểm a khoản 2 Điều 3 từ “than cám từ cám 3 - cám 6” thành “than cục, than cám từ cám 3 - cám 7”.

4. Bổ sung tỷ lệ quy đổi đối với Mỏ ilmenit Làng Lân - Hải Hoa vào mục I số thứ tự 5.4 điểm a khoản 2 Điều 3:

Số TT	Tên khoáng sản	Tỷ lệ quy đổi	Đơn vị tính	Ghi chú
5.4	Mỏ ilmenit Làng Lân - Hải Hoa	1,30	tấn nguyên khai /tấn sản phẩm	

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế Thái Nguyên; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Cục Thuế Thái Nguyên;
- UBND các huyện, TP, TX;
- Trung tâm Thông tin tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, CNN&XD, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến